

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST

Ngày: 24/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; thường trú: 175 Lê Văn V, khu phố 4, phường H, Quận 9, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số 15 Trương Văn H, khu phố 2, phường T, Quận 9, Thành phố H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:**

- + Ông Trần Thanh H, sinh năm 1972;
- + Bà Nguyễn Thị Linh Đ, sinh năm 1982;

Cùng thường trú: 173/2 (số cũ 24/19), tổ 4 đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Ông H và bà Đ vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2019, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Do là chỗ quen biết nên nhiều lần ông Đoàn Văn Đ cho ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 04/3/2018 cho ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ vay số tiền 100.000.000 đồng; lãi suất 2%/tháng; thời hạn vay từ ngày 04/3/2018 đến ngày 2/12/2020, nhưng nếu quá 01 tháng mà không trả tiền lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị, bên vay phải trả ngay vốn đã nhận; việc vay tiền được thể hiện tại giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018.

Sau đó cùng ngày 04/3/2018, bà Nguyễn Thị Linh Đ vay thêm 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng; ký nhận số tiền vay thêm trên giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018; còn các thỏa thuận tại giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 không thay đổi như về lãi suất, thời hạn vay, trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi.

Ngày 04/12/2018, bà Nguyễn Thị Linh Đ vay thêm 50.000.000 đồng; ký nhận số tiền vay thêm trên giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018; còn các thỏa thuận tại giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 không thay đổi như về lãi suất, thời hạn vay, trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi.

Như vậy, tổng cộng ông H và bà Đ vay số tiền gốc 250.000.000 đồng.

Tuy nhiên, từ khi ông H và bà Đ vay số tiền trên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả tiền lãi hàng tháng. Cho nên, ông Đoàn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà Đ phải có trách nhiệm trả số tiền vay 250.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 04/12/2019) là 12 tháng x 20%/năm x 250.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng ông Đoàn Văn Đ có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ có trách nhiệm trả số tiền vay 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày 02/6/2020 là: 17 tháng 28 ngày x 100.000.000 đồng x 20%/năm = 29.900.000 đồng.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Linh Đ có trách nhiệm trả số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền lãi chỉ yêu cầu trên tiền gốc 120.000.000 đồng tính từ

ngày 04/12/2018 đến ngày 02/6/2020 là: 17 tháng 28 ngày x 120.000.000 đồng x 20%/năm = 33.900.000 đồng.

- Về phía bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, giấy triệu tập tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quá trình tổng đạt, mặc dù ông H và bà Đ biết nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng, cho nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên, đồng thời Tòa án yêu cầu ông H và bà Đ có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Đ nhưng ông H và bà Đ không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay, trả gốc và lãi cho ông Đ, vay chung hay vay riêng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ tham gia đối chất, tham gia hòa giải vào ngày 14/4/2020 và 05/5/2020 nhưng ông H và bà Đ đều vắng mặt, đồng thời ông Đoàn Văn Đ có đơn từ chối đối chất và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 02/6/2020 và ngày 24/6/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, còn ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ đã được triệu tập nhưng các lần đều từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, cho nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù ông H và bà Đ biết việc ông Đ khởi kiện nhưng không cung cấp bất cứ chứng cứ nào về quá trình vay, trả gốc, tiền lãi cho ông Đ và vay tiền chung hay vay riêng. Vì vậy, ông H và bà Đ phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Theo giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 và nội dung các lần vay thêm tiền lần sau cùng ký nhận trên giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 thể hiện thời hạn vay đến ngày 2/12/2020. Mặc dù, chưa đến thời hạn trả tiền gốc nhưng trong giấy vay tiền trên các bên có thỏa thuận trong trường hợp bị đơn vi phạm thỏa thuận về việc trả tiền lãi hàng tháng thì bị đơn phải trả ngay vốn đã nhận. Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền gốc và lãi là có căn cứ. Riêng đối với số tiền vay thêm 30.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Linh Đ ký nhận trên giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 thì không thể hiện thời hạn vay, thời hạn trả nợ, như vậy đối với số tiền vay này là vay không kỳ hạn, ông Đ có quyền đòi lại số tiền cho này bất cứ lúc nào, từ khi Tòa án thụ lý vụ án do bà Đ từ chối nhận văn bản tố tụng và trong suốt quá trình tố tụng vụ án bà Đ cũng không có ý kiến gì nên có cơ sở xác định việc ông Đ đã báo trước cho bà Đ một thời gian hợp lý.

[4] Về nội dung:

Xét, giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 do ông Đoàn Văn Đ cung cấp và xác định cho ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ cùng vay số tiền 100.000.000 đồng. Cùng ngày 04/3/2018, cho cá nhân bà Nguyễn Thị Linh Đ vay thêm 02 lần mỗi lần 50.000.00 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Đến ngày 04/12/2018, cũng cho cá nhân bà Nguyễn Thị Linh Đ vay thêm 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 93 và Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là những chứng cứ có thật, đọc được và nhìn được. Như vậy, có cơ sở để xác định ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ cùng vay của ông Đoàn Văn Đ số tiền 100.000.000 đồng và cá nhân bà Nguyễn Thị Linh Đ vay số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi, tức là chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo đúng cam kết, đồng thời cũng không có ý kiến về việc vay chung hay vay riêng. Ông Đoàn Văn Đ căn cứ vào giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 và nội dung các lần vay thêm tiền lần sau cùng ký nhận trên giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 04/3/2018 để yêu cầu ông H và bà Đ cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 100.000.000 đồng, bà Đ có trách nhiệm trả số tiền vay 150.000.000 đồng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Xét tiền lãi trong quá trình vay: Ông Đ yêu cầu tính lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng), theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 “...trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa

*thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận 2%/tháng (tương đương 24%/năm). Do đó, phần lãi suất vượt quá 20%/năm không được chấp nhận. Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng, ông Đ yêu cầu ông H và bà Đ có trách nhiệm trả tiền lãi từ ngày 04/12/2018 đến ngày 02/6/2020 trên mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền vay 100.000.000 đồng là 29.900.000 đồng; yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả tiền lãi từ ngày 04/12/2018 đến ngày 02/6/2020 trên mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền vay 120.000.000 đồng là 33.900.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.*

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 467, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 129.900.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, tiền lãi 29.900.000 (hai mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Linh Đ có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 183.900.000 (một trăm tám mươi ba triệu chín trăm nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi 33.900.000 (ba mươi ba triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Linh Đ phải chịu 6.495.000 (sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Linh Đ phải chịu 9.195.000 (chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy**